

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 – 32
Bảng cân đối kế toán	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa (trước đây là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 107/UBCK - GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **789.934.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hùng Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/6/2014
Bà Đỗ Thị Thủy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/6/2014
Ông Đỗ Linh Phương	Ủy viên	
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/6/2014
Bà Nguyễn Thúy Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16/6/2014
Ông Vũ Trung Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/6/2014
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/6/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Linh Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Hải Sâm	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Đỗ Linh Phương

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 16 tháng 7 năm 2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc**

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Bùi Ngọc Hà
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		579.088.118.108	847.603.871.507
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	365.056.771.140	454.567.304.014
1.	Tiền	111		235.056.771.140	167.567.304.014
2.	Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	287.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.162.737.804	328.686.093.744
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	83.208.208.139	328.784.952.160
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(45.470.335)	(98.858.416)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	130.083.638.805	63.417.061.287
1.	Phải thu khách hàng	131		657.620.431	4.640.080.000
2.	Trả trước cho người bán	132		1.937.738.100	1.491.500.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		122.487.122.381	50.869.067.328
5.	Các khoản phải thu khác	138		5.001.157.893	6.416.413.959
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		71.707.874	84.987.510
1.	Hàng tồn kho	141	V.02	71.707.874	84.987.510
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		713.262.485	848.424.952
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		652.062.485	836.224.952
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		61.200.000	12.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		579.776.877.940	234.669.541.320
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.313.628.810	5.487.762.413
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.402.048.501	2.130.662.408
	- Nguyên giá	222		20.524.706.244	20.958.936.744
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.122.657.743)	(18.828.274.336)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.911.580.309	3.357.100.005
	- Nguyên giá	228		15.528.322.872	15.528.322.872
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.616.742.563)	(12.171.222.867)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	556.801.960.002	209.652.256.656
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		556.801.960.002	209.652.256.656
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		556.801.960.002	209.652.256.656
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		19.661.289.128	19.529.522.251
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	9.565.187.552	10.473.824.597
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	10.096.101.576	9.055.697.654
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.158.864.996.048	1.082.273.412.827

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		234.699.011.915	182.421.548.196
I.	Nợ ngắn hạn	310		232.536.012.601	180.118.164.589
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	-
2.	Phải trả người bán	312		1.894.441.291	1.056.906.434
3.	Người mua trả tiền trước	313		637.450.000	578.170.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	3.406.644.035	6.311.531.273
5.	Phải trả người lao động	315		2.736.589.675	7.074.146.520
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.060.809.443	1.160.132.321
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	209.627.428.984	153.438.477.364
10.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		4.261.530.652	2.828.531.222
11.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.380.288.398	6.170.105.310
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.530.830.123	1.500.164.145
15.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		2.162.999.314	2.303.383.607
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		2.162.999.314	2.303.383.607
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		924.165.984.133	899.851.864.631
I.	Vốn chủ sở hữu	410		924.165.984.133	899.851.864.631
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934.000.000	789.934.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1.920.020.630	1.920.020.630
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		14.178.547.272	10.916.698.457
4.	Cổ phiếu quỹ (*)			(8.989.300.000)	(8.989.300.000)
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		14.178.547.272	10.916.698.457
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		112.944.168.959	95.153.747.087
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.158.864.996.048	1.082.273.412.827

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	30/6/2014	01/01/2014
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980.000.000	19.980.000.000
6.	Chứng khoán lưu ký	006	6.440.311.670.000	5.252.280.310.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch	007	6.049.333.490.000	4.989.727.650.000
6.1.1.	<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	008	4.099.710.000	10.807.050.000
6.1.2.	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	009	6.043.227.060.000	4.976.818.840.000
6.1.3.	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	010	2.006.720.000	2.101.760.000
6.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	39.970.170.000	38.379.250.000
6.2.2.	<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	014	39.970.170.000	38.379.250.000
6.3.	Chứng khoán cầm cố	017	195.049.370.000	101.540.760.000
6.3.2.	<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	019	195.049.370.000	101.540.760.000
6.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	027	123.615.040.000	104.602.760.000
6.5.1	<i>Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký</i>	028	-	300.000.000
6.5.2	<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	029	123.615.040.000	104.302.760.000
6.6.	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	12.900.000.000	12.900.000.000
6.6.1.	<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký</i>	034	12.900.000.000	12.900.000.000
6.7.	Chứng khoán chờ giao dịch	037	19.443.600.000	5.129.890.000
6.7.1	<i>Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký</i>	038	930.000	100.000
6.7.2	<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>	039	19.442.670.000	5.129.330.000
6.7.3	<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	040	-	460.000
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	19.842.270.000	19.839.520.000
	Trong đó:			
7.1	Chứng khoán giao dịch	051	19.842.270.000	19.839.520.000
7.1.1	<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	052	19.842.270.000	19.839.520.000
8.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	21.800.000	21.800.000
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	541.901.820.000	350.807.660.000

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm

Đỗ Linh Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	Doanh thu	01		75.970.340.116	80.128.218.423
	<i>Trong đó:</i>				
-	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		25.162.924.276	13.994.786.936
-	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		29.727.930.403	37.044.422.257
-	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	1.000.000.000
-	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.710.000.000	65.000.000
-	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.014.761.022	3.431.045.455
-	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.184.308.829	2.106.032.300
-	Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
-	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
-	Doanh thu khác	01.9		14.170.415.586	22.486.931.475
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		75.970.340.116	80.128.218.423
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11		24.920.400.621	21.686.592.674
5.	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		51.049.939.495	58.441.625.749
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.353.918.474	13.265.001.429
7.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.696.021.021	45.176.624.320
8.	Thu nhập khác	31		235.593.727	871.632
9.	Chi phí khác	32		2.000.000	-
10.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		233.593.727	871.632
11.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.929.614.748	45.177.495.952
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	7.844.772.632	11.059.930.967
13.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.084.842.116	34.117.564.985
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.02	400	439

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm

Đỗ Linh Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		38.929.614.748	45.177.495.952
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.268.613.603	2.565.924.877
-	Các khoản dự phòng	03		(53.388.081)	(1.717.371.701)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.132.317.456)	(46.520.494.891)
-	Chi phí lãi vay	06		8.750.000	722.638.889
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		9.021.272.814	228.193.126
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(68.079.742.824)	(12.661.113.241)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		13.279.636	(47.266.662)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		53.702.884.072	43.007.844.833
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.092.799.512	1.037.908.584
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(8.750.000)	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.480.376.073)	(8.643.691.706)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		680.000.000	1.222.800.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.329.943.448)	(5.994.726.294)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.388.576.311)	18.149.948.640
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(94.480.000)	(38.740.000)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		234.992.727	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(445.000.000.000)	(340.000.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		340.000.000.000	306.000.000.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(71.831.153.800)	(227.204.444.480)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		72.823.397.000	166.257.205.748
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.745.287.510	40.569.726.970
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68.121.956.563)	(54.416.251.762)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.000.000.000	65.000.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.000.000.000)	(50.000.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	15.000.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(89.510.532.874)	(21.266.303.122)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		454.567.304.014	264.333.643.259
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		365.056.771.140	243.067.340.137

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm

Đỗ Linh Phương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		789.934.000.000	789.934.000.000	-	-	-	-	789.934.000.000	789.934.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.920.020.630	1.920.020.630	-	-	-	-	1.920.020.630	1.920.020.630
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.279.692.642	10.916.698.457	3.637.005.815	-	3.261.848.815	-	10.916.698.457	14.178.547.272
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(8.989.300.000)	(8.989.300.000)	-	-	-	-	(8.989.300.000)	(8.989.300.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.279.692.642	10.916.698.457	3.637.005.815	-	3.261.848.815	-	10.916.698.457	14.178.547.272
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII.03	93.078.067.737	95.153.747.087	34.117.564.985	(16.539.313.957)	31.084.842.116	(13.294.420.244)	110.656.318.765	112.944.168.959
Cộng		890.502.173.651	899.851.864.631	41.391.576.615	(16.539.313.957)	37.608.539.746	(13.294.420.244)	915.354.436.309	924.165.984.133

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm

Đỗ Linh Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tụ doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi trích lập dự phòng theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

04. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành để lại cho Công ty Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và tương đương tiền**

	30/6/2014	01/01/2014
- Tiền mặt tại quỹ	60.192.550	143.402.830
- Tiền gửi ngân hàng	228.308.571.197	162.927.775.778
Trong đó:		
+ <i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	201.268.494.894	147.827.968.209
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	6.688.007.393	4.496.125.406
Trong đó:		
+ <i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư</i>	6.531.399.205	4.277.945.846
- Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	287.000.000.000
Cộng	365.056.771.140	454.567.304.014

02. Hàng tồn kho

	30/6/2014	01/01/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	18.460.000	32.895.454
- Công cụ, dụng cụ	53.247.874	52.092.056
Cộng	71.707.874	84.987.510

03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Của công ty chứng khoán	7.348.089	135.986.793.300
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	7.348.089	135.986.793.300
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư	777.044.360	11.228.833.167.300
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	777.044.360	11.228.833.167.300
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	784.392.449	11.364.819.960.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	Tăng		Giảm		30/6/2014	31/12/2013
					30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013		
I. Đầu tư ngắn hạn			83.208.208.139	328.784.952.160	294.646.825	175.647.466	45.470.335	98.858.416	83.457.384.629	328.861.741.210
<i>1. Cổ phiếu</i>	<i>484.198</i>	<i>1.145.159</i>	<i>5.708.208.139</i>	<i>12.655.327.160</i>	<i>28.396.825</i>	<i>38.644.816</i>	<i>45.470.335</i>	<i>98.858.416</i>	<i>5.691.134.629</i>	<i>12.595.113.560</i>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>9.593</i>	<i>680.290</i>	<i>152.471.931</i>	<i>7.103.913.442</i>	<i>27.481.353</i>	<i>37.940.796</i>	<i>29.061.384</i>	<i>85.807.338</i>	<i>150.891.900</i>	<i>7.056.046.900</i>
+ Trong đó: các cổ phiếu giảm so với giá thị trường										
<i>MBB: Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	<i>9</i>	<i>120.008</i>	<i>130.360</i>	<i>1.547.736.850</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>6.160</i>	<i>23.635.250</i>	<i>124.200</i>	<i>1.524.101.600</i>
Các cổ phiếu lẻ khác	4.358	9.529	82.139.324	156.962.212	-	24.970.856	29.055.224	42.670.668	53.084.100	139.262.400
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (*)</i>	<i>474.605</i>	<i>464.869</i>	<i>5.555.736.208</i>	<i>5.551.413.718</i>	<i>915.472</i>	<i>704.020</i>	<i>16.408.951</i>	<i>13.051.078</i>	<i>5.540.242.729</i>	<i>5.539.066.660</i>
Trong đó: Các cổ phiếu bị hủy niêm yết (**)	1.176	806	21.984.728	17.662.238	915.472	704.020	16.408.951	13.051.078	6.491.249	5.315.180
<i>2. Trái phiếu</i>	<i>50</i>	<i>215</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>215.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>215.000.000.000</i>
<i>3. Chứng chỉ quỹ</i>	<i>750.000</i>	<i>149.950</i>	<i>7.500.000.000</i>	<i>1.129.625.000</i>	<i>266.250.000</i>	<i>137.002.650</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>7.766.250.000</i>	<i>1.266.627.650</i>
<i>4. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (***)</i>			<i>20.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Tình hình đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
II. Chứng khoán đầu tư	9.990.724	10.490.324	556.801.960.002	209.652.256.656	-	-	-	-	556.801.960.002	209.652.256.656
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	9.990.724	10.490.324	556.801.960.002	209.652.256.656	-	-	-	-	556.801.960.002	209.652.256.656
+ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết (*)</i>	<i>9.950.324</i>	<i>9.950.324</i>	<i>152.800.000.000</i>	<i>152.800.000.000</i>	-	-	-	-	<i>152.800.000.000</i>	<i>152.800.000.000</i>
+ <i>Trái phiếu</i>	<i>40.400</i>	<i>540.000</i>	<i>404.001.960.002</i>	<i>56.852.256.656</i>	-	-	-	-	<i>404.001.960.002</i>	<i>56.852.256.656</i>

Trong đó:

(*): Là những cổ phiếu chưa niêm yết không thể thu thập được giá thị trường nên xác định bằng giá trị sổ sách (không bao gồm các cổ phiếu hủy niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch qua hệ thống upcom).

(**): Là những cổ phiếu bị hủy niêm yết trích lập dự phòng theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(***): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng theo thỏa thuận Công ty có thể rút trước hạn bất cứ thời điểm nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>205.543.007</i>	<i>13.820.302.954</i>	<i>4.576.760.081</i>	<i>2.317.590.702</i>	<i>38.740.000</i>	<i>20.958.936.744</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	94.480.000	-	94.480.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528.710.500)	-	-	(528.710.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>205.543.007</i>	<i>13.820.302.954</i>	<i>4.048.049.581</i>	<i>2.412.070.702</i>	<i>38.740.000</i>	<i>20.524.706.244</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>205.543.007</i>	<i>12.750.828.220</i>	<i>3.674.050.554</i>	<i>2.191.812.447</i>	<i>6.040.108</i>	<i>18.828.274.336</i>
- Số khấu hao trong kỳ	-	481.306.069	281.476.140	55.469.200	4.842.498	823.093.907
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528.710.500)	-	-	(528.710.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>205.543.007</i>	<i>13.232.134.289</i>	<i>3.426.816.194</i>	<i>2.247.281.647</i>	<i>10.882.606</i>	<i>19.122.657.743</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	<i>1.069.474.734</i>	<i>902.709.527</i>	<i>125.778.255</i>	<i>32.699.892</i>	<i>2.130.662.408</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	<i>588.168.665</i>	<i>621.233.387</i>	<i>164.789.055</i>	<i>27.857.394</i>	<i>1.402.048.501</i>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 13.894.734.336 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	15.528.322.872	15.528.322.872
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	15.528.322.872	15.528.322.872
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	12.171.222.867	12.171.222.867
- Số khấu hao trong kỳ	-	1.445.519.696	1.445.519.696
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	13.616.742.563	13.616.742.563
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	3.357.100.005	3.357.100.005
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	1.911.580.309	1.911.580.309

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 2.920.420.027 đồng.

07. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2014	01/01/2014
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	9.074.327.177	9.981.759.893
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	490.860.375	492.064.704
Cộng	9.565.187.552	10.473.824.597

08. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng	30.857.543	419.142.602
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.893.889.414	5.529.492.855
- Thuế thu nhập cá nhân	481.897.078	362.895.816
Cộng	3.406.644.035	6.311.531.273

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/6/2014	01/01/2014
- Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
- Tiền nộp bổ sung	3.887.243.568	3.848.765.392
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	3.054.417.897	2.052.492.151
Số cuối kỳ	10.096.101.576	9.055.697.654

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1. Phải thu của khách hàng	4.640.080.000	-		57.800.949.372	61.783.408.941	657.620.431	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	50.869.067.328	-	-	835.053.044.914	763.434.989.861	122.487.122.381	-	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	381.000.000	-	-	71.692.822.000	72.073.822.000	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	50.488.067.328	-	-	763.360.222.914	691.361.167.861	122.487.122.381	-	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về phí dịch vụ	204.296.640	-	-	15.272.759.708	15.107.865.881	369.190.467	-	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về ký quỹ (*)	50.283.770.688	-	-	748.087.463.206	676.253.301.980	122.117.931.914	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	408.991.698	408.991.698	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	7.907.913.959	-	-	278.216.533.617	279.185.551.583	6.938.895.993	-	-	-
- Trả trước tiền cho người bán	1.491.500.000	-	-	850.516.171	404.278.071	1.937.738.100	-	-	-
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác (**)	6.416.413.959	-	-	277.366.017.446	278.781.273.512	5.001.157.893	-	-	-
Cộng	63.417.06.287	-	-	1.171.479.519.601	1.104.812.942.083	130.083.638.805	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Giá trị tài sản đảm bảo của các chứng khoán giao dịch ký quỹ căn cứ theo giá đóng cửa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 471.486.714.600 đồng.

Đơn vị tính: VND

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
(**) Trong đó:		
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	597.023.576	2.231.194.444
- Cổ tức	127.957.350	-
- Lãi trái phiếu	4.206.999.087	4.113.950.875
- Các khoản khác	69.177.880	71.268.640
Cộng	<u>5.001.157.893</u>	<u>6.416.413.959</u>

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Số vay trong kỳ</u>	<u>Số trả trong kỳ</u>	<u>Số dư cuối kỳ</u>
Vay ngân hàng		-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
- Ngân hàng INDOVINA - Chi nhánh Đồng Đa	15%	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay cá nhân					
Cộng		-	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Kinh phí công đoàn	8.816.070	10.536.135
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.051.993.373	1.149.596.186
- Phải trả cổ tức CTS cho nhà đầu tư	68.744.065	68.744.065
- Phải trả khác	983.249.308	1.080.852.121
Cộng	<u>1.060.809.443</u>	<u>1.160.132.321</u>

17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	296.951.840	290.823.234
- Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	293.276.139	223.195.991
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	209.037.201.005	152.924.458.139
+ Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	207.825.175.641	152.206.396.487
+ Phải trả khác	1.212.025.364	718.061.652
Cộng	<u>209.627.428.984</u>	<u>153.438.477.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND*

01.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	7.844.772.632	11.059.930.967
	- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
	Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.844.772.632	11.059.930.967
02.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
	- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	31.084.842.116	34.117.564.985
	- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.084.842.116	34.117.564.985
	- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	77.703.400	77.703.400
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	400	439

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**01. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ghi chú</i>
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

02. Cổ phiếu

	30/6/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.993.400	78.993.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.290.000	1.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.290.000	1.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	77.703.400	77.703.400
- Cổ phiếu phổ thông	77.703.400	77.703.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phân phối lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Trả cổ tức	-	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	3.261.848.815	3.637.005.815
- Quỹ dự phòng tài chính	3.261.848.815	3.637.005.815
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.465.983.088	7.810.500.000
- Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.304.739.526	1.454.802.327
Cộng	<u>13.294.420.244</u>	<u>16.539.313.957</u>

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên có liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi thù lao, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát	1.304.739.526	433.802.327

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 75,6%.

Giao dịch với bên liên quan:

Các giao dịch chủ yếu trong kỳ giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

<u>Nội dung</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu lãi tiền gửi	6.349.919.280	14.766.087.509
Chi hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	4.016.660.780	3.103.616.026
Thu phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	2.812.500.000

Số dư với bên liên quan:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư của Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

<u>Nội dung</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số dư tiền gửi không kỳ hạn	224.109.021.240	159.931.356.284
Số dư tiền gửi có kỳ hạn	150.000.000.000	387.000.000.000
Phải thu về lãi tiền gửi	597.023.576	2.231.194.444
Phải thu khác (phí tư vấn, phí lưu ký, khác)	8.254.062	50.246.193
Ủy thác quản lý danh mục Trái phiếu với Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương VN	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	25.162.924.276	31.437.930.403	3.014.761.022	2.184.308.829	14.170.415.586	75.970.340.116
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	18.472.222.181	11.627.150.037	1.903.639.032	1.971.757.490	3.299.550.355	37.274.319.095
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.690.702.095	19.810.780.366	1.111.121.990	212.551.339	10.870.865.231	38.696.021.021
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	31.293.701	39.097.570	3.749.287	2.716.501	17.622.941	94.480.000
Số dư cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	22.060.316.916	630.935.110.974	1.278.913.875	586.641.781	503.943.819.952	1.158.804.803.498
Tài sản không phân bổ						60.192.550
Tổng tài sản	22.060.316.916	630.935.110.974	1.278.913.875	586.641.781	503.943.819.952	1.158.864.996.048
Nợ phải trả bộ phận	56.235.024.593	3.765.120.971	998.508.753	8.655.269.624	157.664.799.576	227.318.723.517
Nợ phải trả không phân bổ						7.380.288.398
Tổng nợ phải trả	56.235.024.593	3.765.120.971	998.508.753	8.655.269.624	157.664.799.576	234.699.011.915

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	13.994.786.936	38.044.422.257	3.496.045.455	2.106.032.300	22.486.931.475	80.128.218.423
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-				-
Chi phí phân bổ	13.553.278.950	12.019.337.997	2.025.703.564	1.560.583.383	5.792.690.209	34.951.594.103
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	441.507.986	26.025.084.260	1.470.341.891	545.448.917	16.694.241.266	45.176.624.320
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.766.131	18.393.532	1.690.251	1.018.214	10.871.872	38.740.000
Số dư cuối kỳ trước						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.098.075.168	646.229.669.456	1.034.466.470	678.096.117	517.412.499.987	1.184.452.807.198
Tài sản không phân bổ						76.376.426
Tổng tài sản	19.098.075.168	646.229.669.456	1.034.466.470	678.096.117	517.412.499.987	1.184.529.183.624
Nợ phải trả bộ phận	44.387.988.298	6.283.158.002	1.259.553.087	50.752.095.684	159.111.246.934	261.794.042.005
Nợ phải trả không phân bổ						7.380.705.310
Tổng nợ phải trả	44.387.988.298	6.283.158.002	1.259.553.087	50.752.095.684	159.111.246.934	269.174.747.315

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	83.208.208.139	328.784.952.160	83.457.384.629	328.861.741.210
<i>Chứng khoán thương mại</i>	<i>63.208.208.139</i>	<i>228.784.952.160</i>	<i>63.457.384.629</i>	<i>228.861.741.210</i>
- Cổ phiếu niêm yết	152.471.931	7.103.913.442	150.891.900	7.056.046.900
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	5.555.736.208	5.551.413.718	5.540.242.729	5.539.066.660
- Trái phiếu (*)	50.000.000.000	215.000.000.000	50.000.000.000	215.000.000.000
- Chứng chỉ quỹ	7.500.000.000	1.129.625.000	7.766.250.000	1.266.627.650
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	20.000.000.000	100.000.000.000	20.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	128.145.900.705	61.925.561.287	128.145.900.705	61.925.561.287
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	556.801.960.002	209.652.256.656	556.801.960.002	209.652.256.656
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>556.801.960.002</i>	<i>209.652.256.656</i>	<i>556.801.960.002</i>	<i>209.652.256.656</i>
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	152.800.000.000	152.800.000.000	152.800.000.000	152.800.000.000
- Trái phiếu(*)	404.001.960.002	56.852.256.656	404.001.960.002	56.852.256.656
Tiền và các khoản tương đương tiền	365.056.771.140	454.567.304.014	365.056.771.140	454.567.304.014
Cộng	1.133.212.839.986	1.054.930.074.117	1.133.462.016.476	1.055.006.863.167
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	209.627.428.984	153.438.477.364	209.627.428.984	153.438.477.364
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.955.250.734	2.217.038.755	2.955.250.734	2.217.038.755
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.261.530.652	2.828.531.222	4.261.530.652	2.828.531.222
Cộng	216.844.210.370	158.484.047.341	216.844.210.370	158.484.047.341

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ (không bao gồm các cổ phiếu hủy niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch qua hệ thống upcom) do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và các khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như đã trình bày ở thuyết minh V.1 trang 17. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.217.038.755	-	-	2.217.038.755
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	153.438.477.364	-	-	153.438.477.364
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.828.531.222	-	-	2.828.531.222
Cộng	158.484.047.341	-	-	158.484.047.341
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.955.250.734	-	-	2.955.250.734
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	209.627.428.984	-	-	209.627.428.984
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.261.530.652	-	-	4.261.530.652
Cộng	216.844.210.370	-	-	216.844.210.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Diệu Thúy

Phan Hải Sâm

Đỗ Linh Phương